BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 720/QĐ-ĐHTĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

Tên chương trình	:	**Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Tourism and Hospitality Management)**
Trình độ đào tạo	:	**Đại học**
Ngành đào tạo	:	**Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**
Mã ngành	:	**7810103**
Loại hình đào tạo	:	**Chính quy tập trung**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành nhằm đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, tư duy khởi nghiệp và năng lực thực hành nghề nghiệp vững vàng trong lĩnh vực du lịch – lữ hành. Sinh viên được trang bị kiến thức chuyên môn sâu rộng, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, đa ngôn ngữ. Thông qua quá trình học tập trải nghiệm gắn với thực tiễn, chương trình hướng đến việc phát triển tư duy sáng tạo, tinh thần đoàn kết – hợp tác và năng lực thích ứng linh hoạt, góp phần xây dựng đội ngũ quản trị viên du lịch chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của ngành du lịch trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

PEO1. Nắm vững các kiến thức nền tảng về chính trị, pháp luật, xã hội, khoa học tự nhiên và nhân văn phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa.

PEO2. Vận dụng kiến thức về Tin học, Ngoại ngữ vào học tập và giao tiếp nghề nghiệp.

PEO3. Hiểu biết về kinh tế học, quản trị học, marketing, tâm lý học du lịch, địa

lý du lịch, văn hóa du lịch, luật du lịch... làm nền tảng cho việc học chuyên sâu.

PEO4. Nắm rõ cấu trúc, chức năng và hoạt động của ngành du lịch – lữ hành, đặc biệt là các quy trình tổ chức và quản lý tour, dịch vụ lưu trú, vận chuyển và các hoạt động liên quan.

PEO5. Am hiểu sâu về quy trình điều hành, thiết kế và tổ chức tour du lịch nội địa và quốc tế. Biết phân tích, đánh giá và xây dựng chiến lược kinh doanh dịch vụ du lịch – lữ hành.

PEO6. Có kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành doanh nghiệp lữ hành – du lịch.

1.2.2. Về kỹ năng

PEO7. Kỹ năng quản lý và điều hành các hoạt động du lịch, từ xây dựng kế hoạch, tổ chức sự kiện, điều phối tour, cho đến quản lý các dịch vụ lưu trú và vận chuyển.

PEO8. Kỹ năng giao tiếp, đàm phán và giải quyết vấn đề, giúp sinh viên làm việc hiệu quả với khách hàng, đối tác và đồng nghiệp trong môi trường đa văn hóa.

PEO9. Kỹ năng phân tích, nghiên cứu và đánh giá thị trường du lịch, sử dụng các công cụ công nghệ để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và tiếp cận khách hàng.

PEO10. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ (thường là tiếng Anh) trong giao tiếp với khách hàng quốc tế và đối tác toàn cầu.

1.2.3. Về Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm

PEO11. Sinh viên có khả năng tự chủ trong việc lập kế hoạch và tổ chức công việc, đồng thời chủ động tìm kiếm giải pháp trong các tình huống thực tế.

PEO12. Sinh viên có trách nhiệm trong việc tiếp nhận, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ du lịch, đảm bảo chất lượng và sự hài lòng của khách hàng.

PEO13. Sinh viên có khả năng tự chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong công việc và cam kết thực hiện các nghĩa vụ nghề nghiệp theo đạo đức và quy định pháp luật.

1. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Giải thích
PLO1	Sinh viên có khả năng nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường, từ đó hiểu rõ bối cảnh và yêu cầu của ngành Du lịch và Lữ hành.

PLO2	Sinh viên hiểu sâu về các nguyên lý, lý thuyết và mô hình quản lý trong lĩnh vực du lịch, lữ hành, marketing và tổ chức dịch vụ du lịch.
PLO3	Sinh viên có kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch, xây dựng sản phẩm du lịch, quản lý chất lượng dịch vụ, phát triển du lịch bền vững và ứng dụng công nghệ số trong quản lý dịch vụ du lịch.
PLO4	Sinh viên hiểu và áp dụng thành thạo các công nghệ thông tin, phần mềm quản lý du lịch và các ứng dụng số trong việc nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ khách hàng.
PLO5	Sinh viên có hiểu biết đầy đủ về các quy định pháp lý, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong hoạt động du lịch và lữ hành.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

Chuẩn đầu ra	Giải thích
PLO6	Sinh viên có khả năng lập kế hoạch, tổ chức, điều phối và đánh giá các hoạt động dịch vụ du lịch, quản lý nguồn nhân lực và tài chính trong môi trường du lịch.
PLO7	Sinh viên có khả năng sử dụng phần mềm quản lý du lịch, áp dụng công nghệ thông tin trong việc phát triển sản phẩm và dịch vụ du lịch; ssử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ trong giao tiếp chuyên môn, có khả năng đọc, hiểu tài liệu chuyên ngành và giao tiếp với khách hàng quốc tế.
PLO8	Sinh viên có khả năng thiết kế, xây dựng và triển khai các sản phẩm du lịch sáng tạo, phù hợp với nhu cầu khách hàng, xu hướng thị trường và bối cảnh địa phương.

2.2.2. Kỹ năng mềm

Các kỹ năng hỗ trợ cho việc nâng cao hiệu quả làm việc và phát huy tối đa năng lực cá nhân như:

Chuẩn đầu ra	Giải thích
PLO9	Sinh viên có khả năng giao tiếp hiệu quả với khách hàng, đối tác và đồng nghiệp, biết cách thuyết trình, đàm phán và thuyết phục trong các tình huống nghề nghiệp.
PLO10	Sinh viên có khả năng làm việc nhóm, phối hợp và chia sẻ công việc với các thành viên khác, xử lý xung đột và đảm bảo hiệu quả công việc trong môi trường đa văn hóa.

PLO11	Sinh viên có khả năng phân tích tình huống, tìm kiếm giải pháp, ra quyết định và giải quyết vấn đề trong công việc quản lý dịch vụ du lịch.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên cần đạt năng lực tự chủ và trách nhiệm như được trình bày ở Bảng bên dưới để quá trình đào tạo đạt hiệu quả.

Chuẩn đầu ra	Giải thích
PLO12	Sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu và cập nhật kiến thức mới để phát triển nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu thay đổi trong ngành du lịch.
PLO13	Sinh viên có khả năng lãnh đạo, điều hành các dự án và tổ chức công việc, đưa ra quyết định trong điều kiện không chắc chắn và thay đổi.
PLO14	Sinh viên có khả năng thích nghi với các xu hướng mới trong ngành du lịch, ứng dụng các công nghệ số và các mô hình kinh doanh mới để nâng cao hiệu quả công việc.
PLO15	Sinh viên có trách nhiệm trong việc phát triển du lịch bền vững, bảo vệ môi trường, văn hóa và hỗ trợ cộng đồng trong hoạt động du lịch.

2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Các cơ sở đào tạo, nghiên cứu thuộc lĩnh vực du lịch như: Các trung tâm đào tạo nghiệp vụ du lịch, các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, các viện nghiên cứu,…

- Các cơ quan quản lí nhà nước về lĩnh vực du lịch: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh/thành; Trung tâm Xúc tiến Du lịch,....

- Các tổ chức, đơn vị trực tiếp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành,...

- Các tổ chức, đơn vị doanh nghiệp kinh tế khác có liên quan,...

2.5. Trình độ tin học, ngoại ngữ

Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của trường Đại học Tây Đô. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo Quy định về yêu cầu kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Công nghệ thông tin của Trường đại học Tây Đô.

2.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi ra trường, sinh viên có thể tiếp tục học các chứng chỉ chuyên môn trong các lĩnh vực như quản lý du lịch, marketing du lịch, quản lý sự kiện, hay quản lý khách sạn.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có thể học lên cao học ở các chuyên ngành liên quan như: Thạc sĩ Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Thạc sĩ Du lịch, du lịch, Thạc sĩ Quản trị khách sạn – nhà hàng, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) – đặc biệt nếu muốn chuyển sang lĩnh vực quản lý rộng hơn, Thạc sĩ Quản lý sự kiện và giải trí,…

Với nền tảng kiến thức rộng và thực tiễn, nhiều sinh viên sau khi ra trường có thể: Tự mở công ty du lịch, phát triển các nền tảng số hỗ trợ du lịch (app, blog, vlog), làm freelancer trong ngành (hướng dẫn viên tự do, tổ chức tour, travel writer,...)

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3,5 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ

(không kể các kiến thức điều kiện)

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

- Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10 tháng 05 năm 2021).
- Thực hiện theo học chế tín chỉ kết hợp học tập thực tế.
- Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa, năm học và học kỳ. Khóa học được thực hiện 3,5 năm. Một năm học có 03 học kỳ chính, mỗi học kỳ kéo dài 04 tháng (HK1: Tháng 9 → Tháng 12; HK2: Tháng 01 → Tháng 04; HK3: Tháng 5 → Tháng 8), trong đó mỗi học kỳ gồm 12 tuần học và dự trữ, 02 tuần thi. Khoảng nghỉ giữa mỗi kỳ là 02→03 tuần (chưa bao gồm nghỉ Tết). Số tín chỉ trung bình mỗi học kỳ từ 12 →15 tín chỉ.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10 tháng 05 năm

2021) và Quyết định số 641/QĐ-ĐHTĐ ngày 1/9/2017 Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định.
c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên.
d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh.
e) Đạt chuẩn thể lực, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường.

7. THANG ĐIỂM

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường. Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10 tháng 05 năm 2021).

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH: 130 tín chỉ

TT	Khối lượng học tập	TÍN CHỈ		
		TS	LT	TH
1	Kiến thức giáo dục đại cương	**27**	**24**	**3**
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	**91**	**87**	**4**
3	Thực tập tốt nghiệp, Đồ án, khóa luận tốt nghiệp	**12**		**12**

Tổng cộng			

8.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 27 tín chỉ

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	LT	TH
1	0301001769	Triết học Mác - Lênin	3	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
6	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2	
7	0301002902	Tiếng Anh căn bản 1	3	3	
8	0301002903	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	
9	0301002904	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	
10	0301002997	Năng lực số	3	1	2
11	0301000060	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	2	
12	0301000650	Giáo dục quốc phòng - An ninh**	8	3	5
13	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		
14	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**			
15	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**			
16	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1		
17	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**			
18	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**			
19	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1		
20	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**			
21	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**			
22	0301003005	Tiếng Anh tăng cường 1**	3	3	
	0301003006	Tiếng Anh tăng cường 2**	3	3	
	0301003007	Tiếng Anh tăng cường 3**	3	3	
	0301003008	Tiếng Anh tăng cường 4**	3	3	
23	0301003009	Nhập môn Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo**	2	2	
24	KNM	Kỹ năng mềm**	4	4	
25	KNN	Kỹ năng nghề nghiệp**	4	4	

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	LT	TH
Tổng			**27**	**20**	**7**

8.2. Kiến thức cơ sở ngành: 34 tín chỉ

STT	Mã số	Tên học phần	TC	LT	TH
Phần bắt buộc			**28**		
26	0301001677	Tổng quan du lịch	3	3	
27	0301003245	Du lịch thế giới và toàn cầu hóa	3	3	
28	0301003270	Phương pháp nghiên cứu khoa học - QTDVDLLH	3	3	
29	0301002050	Địa lý du lịch & Thắng cảnh Việt Nam	3	3	
30	0301003246	Luật và đạo đức trong hoạt động du lịch	2	2	
31	0301000446	Quản trị học	3	3	
32	0301003247	Kinh tế và tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam	3	3	
33	0301003248	Xã hội học du lịch	2	2	
34	0301002214	Văn hóa du lịch	2	2	
35	0301003271	Tâm lý du khách và hành vi tiêu dùng	2	2	
36	0301000465	Quy hoạch du lịch Việt Nam	2	2	
Học phần tự chọn			**6**		
37	0301001472	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	2	
38	0301002051	Marketing căn bản	2	2	
39	0301003249	Giao tiếp và lễ nghi trong du lịch quốc tế	2	2	
40	0301003250	Du lịch và biến đổi khí hậu	2	2	
41	0301002448	Văn hóa các nước Đông Nam Á	2	2	
42	0301000081	Đặc điểm văn hóa ĐBSCL	2	2	
Tổng			**34**		

8.3. Kiến thức ngành: 68 tín chỉ

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	LT	TH
Phần bắt buộc: 44 tín chỉ					

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	LT	TH
43	0301001416	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	3	
44	0301001413	Thiết kế và điều hành tour	3	3	
45	0301003251	Chuyển đổi số trong du lịch	2	2	
46	0301003252	Marketing và truyền thông điểm đến	3	3	
47	0301002053	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3	
48	0301001581	Tiếng Anh chuyên ngành QTDV-DLLH	4	4	
49	0301003253	Niên luận ngành QTDVDLLH	2		2
50	0301003273	Thực tế ngành QTDVDLLH	2		2
51	0301003254	Quản trị khu du lịch	3	3	
52	0301003274	Quản trị chất lượng và phát triển bền vững điểm đến	3	3	
53	0301003275	Quản trị khởi nghiệp và dự án du lịch	3	3	
54	0301003255	Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch	3	3	
55	0301003272	Quản trị du lịch MICE và sự kiện	3	3	
56	0301000600	Tuyến điểm du lịch	3	3	
57	0301002055	Thực tập tốt nghiệp - QTDVDLLH	4		4
Phần tự chọn: 24 tín chỉ					
58	0301003256	Phân tích xu hướng và quản trị rủi ro du lịch	2	2	
59	0301001806	Phát triển du lịch bền vững	2	2	
60	0301003257	Nghiên cứu thị trường du lịch	2	2	
61	0301001915	Quản trị điểm đến du lịch	2	2	
62	0301003258	Tổ chức sự kiện du lịch địa phương	2	2	
63	0301003259	Du lịch ẩm thực vùng ĐBSCL	2	2	
64	0301003260	Quản trị chuỗi cung ứng du lịch	2	2	
65	0301003261	Quản trị du lịch xanh và có trách nhiệm	2	2	
66	0301000134	Du lịch sinh thái Việt Nam	2	2	
67	0301003262	Du lịch bản địa và văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long	2	2	
68	0301003263	Thiết kế trải nghiệm du lịch	2	2	
69	0301003264	Du lịch cộng đồng và phát triển địa phương	2	2	

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	LT	TH
70	0301003265	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong du lịch thông minh	2	2	
71	0301003266	Du lịch chăm sóc sức khỏe và phục hồi	2	2	
72	0301003267	Du lịch học đường và giáo dục trải nghiệm	2	2	
73	0301003268	Giao tiếp đa văn hóa trong nmôi trường du lịch	2	2	
74	0301003269	Marketing nội dung và mạng xã hội trong du lịch	2	2	
75	0301003276	Quản trị nhân sự và lãnh đạo trong ngành du lịch	2	2	
76	0301001615	Khóa luận tốt nghiệp - QTDVDLLH	8		8
77	0301001616	Tiểu luận tốt nghiệp - QTDVDLLH	4		4
Tổng:			**69**		
TỔNG CỘNG: 130 TÍN CHỈ *(Bắt buộc: 100 TC; Tự chọn: 30 TC) và 33 TC học phần điều kiện.*					

Ghi chú: **: Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Học kỳ 1:

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Pháp luật đại cương	2	2		30	30	
2	Năng lực số	3	1	2	75	15	60
3	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	2		30	30	
4	Quản trị học	3	3		45	45	
5	Tổng quan du lịch	3	3		45	45	
Tổng:		**13**					

Học kỳ 2:

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Triết học Mác - Lênin	3	3		45		
2	Tiếng Anh căn bản 1	3	3		45		
3	Địa lý du lịch & Thắng cảnh Việt Nam	3	3		45		

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
4	Kinh tế và tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam	3	3		45		
5	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		1	30		30
6	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**						
7	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**						
Tự chọn: 2 TC							
8	Marketing căn bản	2	2		30		
9	Văn hóa các nước Đông Nam Á	2	2		30		
Tổng		**14+4**					

Học kỳ 3:

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		
2	Tiếng Anh căn bản 2	3	3		45		
3	Xã hội học du lịch	2	2		30		
4	Giáo dục quốc phòng - An ninh**	8	3	5	165	77	88
5	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1		1	30		30
6	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**						
7	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**						
Tổng		**7+9**					

Học kỳ 4:

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30	30	
2	Tiếng Anh căn bản 3	3	3		45	45	
3	Du lịch thế giới và toàn cầu hóa	3	3		45	45	
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học – QTDVDLLH	3	3		45	45	
5	Luật và đạo đức trong hoạt động du lịch	2	2		30	30	
6	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1		1	30		30
7	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**						
8	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**						
9	Nhập môn Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo**	2	2		30	30	
Tự chọn: 2 TC							

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
10	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	2		30	30	
11	Đặc điểm văn hóa ĐBSCL	2	2		30	30	
Tổng		**15+3**					

Học kỳ 5:

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30	30	
2	Tâm lý du khách và hành vi tiêu dùng	2	2		30	30	
3	Tuyến điểm du lịch	3	3		45	45	
4	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	3		45	45	
5	Thiết kế và điều hành tour	3	3		45	45	
6	Kỹ năng mềm**	4	4		60	60	
Tự chọn: 2 TC							
7	Giao tiếp và lễ nghi trong du lịch quốc tế	2	2		30	30	
8	Du lịch và biến đổi khí hậu	2	2		30	30	
Tổng		**15+4**					

Học kỳ 6:

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	30	
2	Marketing và truyền thông điểm đến	3	3		45	45	
3	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3		45	45	
4	Chuyển đổi số trong du lịch	2	2		30	30	
Tự chọn: 4 TC							
5	Quản trị điểm đến du lịch	2	2		30	30	
6	Tổ chức sự kiện du lịch địa phương	2	2		30	30	
7	Quản trị chuỗi cung ứng du lịch	2	2		30	30	
8	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong du lịch thông minh	2	2		30	30	
Tổng		**14**					

Học kỳ 7:

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Tiếng Anh chuyên ngành QTDV-DLLH	4	4		60	60	
2	Niên luận ngành QTDVDLLH	2		2	60		60
3	Quản trị khu du lịch	3	3		45	45	
4	Văn hóa du lịch	2	2		30	30	
Tự chọn: 4 TC							
5	Phân tích xu hướng và quản trị rủi ro du lịch	2	2		30	30	
6	Phát triển du lịch bền vững	2	2		30	30	
7	Nghiên cứu thị trường du lịch	2	2		30	30	
8	Thiết kế trải nghiệm du lịch	2	2		30	30	
Tổng		**15**					

Học kỳ 8:

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Quản trị du lịch MICE và sự kiện	3	3		45		
2	Quản trị chất lượng và phát triển bền vững điểm đến	3	3		45		
3	Quản trị khởi nghiệp và dự án du lịch	3	3		45		
Tự chọn: 4 TC							
4	Du lịch cộng đồng và phát triển địa phương	2	2		30	30	
5	Du lịch sinh thái Việt Nam	2	2		30	30	
6	Giao tiếp đa văn hóa trong môi trường du lịch	2	2		30	30	
7	Quản trị nhân sự và lãnh đạo trong ngành du lịch	2	2		30	30	
Tổng		**13**					

Học kỳ 9:

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Thực tế ngành QTDVDLLH	2		2	60		60
2	Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch	3	3		45	45	

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
3	Quản trị du lịch MICE và sự kiện	3	3		45	45	
4	Quy hoạch du lịch Việt Nam	2	2		30	30	
Tự chọn: 2 TC							
5	Du lịch ẩm thực vùng ĐBSCL	2	2		30	30	
6	Marketing nội dung và mạng xã hội trong du lịch	2	2		30	30	
Tổng		**12**					

Học kỳ 10:

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Thực tập tốt nghiệp - QTDVDLLH	4		4	120		120
2	Khóa luận tốt nghiệp - QTDVDLLH	8		8	240		240
3	Tiểu luận tốt nghiệp - QTDVDLLH	4		4	120		120
4	Quản trị du lịch xanh và có trách nhiệm	2	2		30	30	
5	Du lịch bản địa và văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long	2	2		30	30	
6	Du lịch chăm sóc sức khỏe và phục hồi	2	2		30	30	
7	Du lịch học đường và giáo dục trải nghiệm	2	2		30	30	
8	Kỹ năng nghề nghiệp**	4	4		60	60	
Tổng		**12+4**	**4**	**8**			

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

10.1. Cách quy đổi giờ

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 tín chỉ (TC) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)

= 30 đối với học phần thực tập, thực hành

= 45 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15

Một tiết giảng là 50 phút.

10.2. Chương trình ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành được thiết kế theo đơn ngành

Chương trình này được biên soạn trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngoài các học phần bắt buộc, Trường đã thiết kế các học phần còn lại cho phù hợp với chuyên ngành đào tạo và chuẩn đầu ra.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ

Trần Công Luận